

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn thị trấn Đak Pơ**

Thực hiện Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND huyện Đak Pơ về việc tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Đak Pơ; Ủy ban nhân dân thị trấn đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2021 cụ thể như sau:

#### **Phần thứ nhất ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Thị trấn Đak Pơ có tổng diện tích tự nhiên 2.101,59ha. Dân số có 1.525 hộ, 5.321 khẩu, trong đó DTTS 356 hộ, 1.415 khẩu, chiếm 23,34% dân số. Dân cư phân bố đều và sinh sống tại 04 tổ dân phố và 03 làng đồng bào dân tộc thiểu số Bahnar, trong đó có 03 làng đặc biệt khó khăn.

Là một thị trấn thuần nông, sản xuất nông nghiệp chủ yếu chuyên canh mía, mì, bắp lai, rau xanh và chăn nuôi bò. Đa phần đồng bào DTTS vẫn giữ tập quán canh tác nông nghiệp lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, việc ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất còn hạn chế, chăn nuôi theo hình thức nhỏ lẻ, ít quan tâm đầu tư chăm sóc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo trực tiếp của UBND thị trấn, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình Quốc gia về giảm nghèo và sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân trên toàn thị trấn, nên trong những năm qua đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao, việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng cũng ngày được quan tâm đúng mức nhất là các đối tượng bảo trợ xã hội và đặc biệt là đời sống của người nghèo, người cận nghèo.

Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo diễn ra hằng năm nhằm đánh giá tình hình đời sống của nhân dân và những biến động trong đời sống vật chất, mức thu nhập của hộ dân trong vòng một năm qua nhằm xác định đúng đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, các nguyên nhân dẫn đến nghèo, các chỉ tiêu thiếu hụt các nhu cầu, dịch vụ cơ bản làm căn cứ để xây dựng cơ sở quản lý hộ nghèo trên địa bàn thị trấn; làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2016 – 2021, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên toàn thị trấn.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021, thị trấn Đak Pơ có 57 hộ với 168 khẩu nghèo chiếm tỷ lệ 3,74% tổng số hộ dân trên địa bàn. Trong đó, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo là 25 hộ, chiếm 43,86% tổng số hộ nghèo toàn thị trấn. Hộ cận nghèo 225 hộ, 832 khẩu chiếm tỷ lệ 14,75 % tổng số hộ dân trên địa bàn; Trong đó, hộ đồng bào dân tộc thiểu số cận nghèo là 137 hộ, chiếm 60,89% tổng số hộ cận nghèo. Không có hộ chính sách nghèo.

## Phần thứ hai

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13

**1. Kết quả triển khai thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017:**

##### 1.1. Đánh giá thực trạng và nguyên nhân nghèo trên địa bàn thị trấn:

###### a. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thị trấn:

Thực hiện Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020. Tính đến đầu năm 2016 tổng số hộ nghèo trên địa bàn thị trấn là 296 hộ, 1.011 khẩu, chiếm tỷ lệ 19,99% tổng số hộ toàn thị trấn; trong đó, hộ nghèo người DTTS là 168 hộ, 714 khẩu, chiếm tỷ lệ 62,45% tổng số hộ nghèo toàn thị trấn, 03 hộ chính sách, người có công thuộc diện nghèo, chiếm 1,26% tổng số hộ nghèo.

Đến cuối năm 2021, hộ nghèo trên địa bàn thị trấn giảm xuống còn 57 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,74%; trong đó, dân tộc thiểu số nghèo 25 hộ, chiếm tỷ lệ 43,86% số hộ nghèo toàn thị trấn. Có 225 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,75%. Không còn hộ chính sách NCC nghèo

###### b. Kết quả giảm nghèo cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện các năm theo tiêu chí mới (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg)					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
Hộ nghèo	Hộ	269	237	169	128	82	57
Tỷ lệ	%	19.99	17.16	11.71	8.67	5.43	3.74

###### c. Nguyên nhân hộ nghèo:

Tính đến cuối năm 2021, chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo được đánh giá và xếp hạng như sau:

###### - Đối với hộ nghèo:

Stt	Chỉ số thiếu hụt	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
01	Trình độ giáo dục người lớn	28,7	4
02	Trình trạng đi học của trẻ em	1,75	8
03	Tiếp cận dịch vụ y tế	0	9

04	Bảo hiểm y tế	54,39	2
05	Chất lượng nhà ở	12,28	6
06	Diện tích nhà ở	26,30	5
07	Nguồn nước sinh hoạt	0	9
08	Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	71,93	1
09	Sử dụng dịch vụ viễn thông	29,82	3
10	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	3,51	7

**- Đòi với hộ cận nghèo:**

Stt	Chỉ số thiếu hụt	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
01	Trình độ giáo dục người lớn	27,11	3
02	Trình trạng đi học của trẻ em	2,67	6
03	Tiếp cận dịch vụ y tế	0	8
04	Bảo hiểm y tế	40,44	2
05	Chất lượng nhà ở	6,67	5
06	Diện tích nhà ở	11,11	4
07	Nguồn nước sinh hoạt	0	8
08	Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	54,67	1
09	Sử dụng dịch vụ viễn thông	0,89	7
10	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	0	8

- Như vậy, số hộ nghèo, hộ cận nghèo không tiếp cận được hồ xí, nhà tiêu hợp vệ sinh và chất lượng nhà ở chiếm tỷ lệ cao nhất, chủ yếu tập trung tại các làng người đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là nếp sinh hoạt lâu đời và khó thay đổi, cũng là khó khăn của địa phương. Cụ thể:

+ Thiếu hụt Bảo hiểm y tế tập trung tại các tổ dân phố không được hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế cho người kinh không nghèo (Theo hướng dẫn điều tra thông tin hộ nghèo của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội là không tính các trường hợp thẻ bảo hiểm y tế của hộ nghèo, hộ cận nghèo).

+ Thiếu hụt hồ xí, nhà tiêu hợp vệ sinh: tập trung đa số vùng DTTS do thói quen không sử dụng nhà vệ sinh trong sinh hoạt hằng ngày.

- Ngoài ra, nguyên nhân nghèo còn thể hiện ở một số trường hợp sau:

+ Đa số các chủ hộ nghèo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật nên việc nắm bắt khoa học kỹ thuật còn chậm;

+ Một số đồng bào dân tộc thiểu số còn lưu giữ và làm việc theo các phong tục tập quán lạc hậu; trình độ canh tác còn thấp kém, chưa biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất;

- Một số hộ nghèo còn thiếu lao động, đông người ăn theo (đông con, nhưng còn nhỏ); thiếu đất sản xuất; lười lao động; vay được vốn thì không biết cách làm ăn, không có tay nghề; có lao động nhưng không có việc làm;

+ Gia đình có người ốm đau nặng, bệnh nan y hoặc mắc tệ nạn xã hội...;

+ Một bộ phận nhỏ còn trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước... Đặc biệt có nhiều hộ không có khả năng thoát nghèo như: Có người già yếu, cô đơn, không có con cháu, có người tàn tật nặng, người tâm thần...

## **1.2. Đánh giá kết quả xây dựng Đề án, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn và bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc thù, giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện.**

Trên cơ sở ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo hằng năm, Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng chương trình giảm nghèo cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Ủy ban nhân dân thị trấn tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân có điều kiện đăng ký thoát nghèo để tập trung nguồn hỗ trợ, giúp đỡ hộ gia đình thuận lợi hơn trong phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo hằng năm, Ủy ban nhân dân thị trấn thường xuyên chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tham mưu, nghiên cứu, đề xuất những giải pháp giảm nghèo bền vững nhằm có những hoạch định cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở các nguồn vốn cấp trên hỗ trợ, Ủy ban nhân dân thị trấn triển khai thực hiện hỗ trợ trực tiếp đến tay nhân dân nhằm tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là các hộ nghèo được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho hộ nghèo.

## **1.3. Phân công, chỉ đạo, theo dõi thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.**

Hằng năm, Ủy ban nhân dân thị trấn đều ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các đơn vị liên quan là thành viên Ban chỉ đạo để chủ động thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo:**

### **2.1. Bố trí nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo:**

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên Ủy ban nhân dân thị trấn đã triển khai kịp thời các chế độ, chính sách cho nhân dân đặc biệt là hộ nghèo.

Thực hiện tốt theo quy trình hướng dẫn của cấp trên: Xây dựng dự án để thực hiện chính sách, tổ chức họp dân thống nhất các vấn đề về vốn đối ứng, cách thức triển khai thực hiện, nhằm chuẩn bị đầy đủ thủ tục bước đầu để triển khai thực hiện tốt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo và các chính sách giảm nghèo khác trên địa bàn.

## **2.2. Sự vận dụng của địa phương trong việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn:**

Dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên Ủy ban nhân dân thị trấn vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo khác trên địa bàn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo có điều kiện tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ các chính sách mà Đảng và nhà nước hỗ trợ, giúp hộ nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo.

## **2.3. Tuyên truyền, phổ biến chính sách tới đối tượng thụ hưởng:**

Thông qua các buổi tuyên truyền, đặc biệt là trong ngày “ Sinh hoạt pháp luật” Ủy ban nhân dân thị trấn đã tuyên truyền các chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Hay tuyên truyền thông qua các buổi họp tổ dân phố, làng. Hoặc tuyên truyền lồng ghép thông qua các hội nghị, các buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ ...

## **2.4. Phân công trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện.**

Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thị trấn Đak Pơ giai đoạn 2016 - 2020. Trên cơ sở đó, Ban chỉ đạo thị trấn đã tổ chức họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban phụ trách theo dõi, giám sát, giúp đỡ các tổ dân phố, làng nhằm kịp thời giúp cho các đơn vị tổ dân phố, làng trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn cũng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo cho các tổ chức cơ sở thực hiện tốt các chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

## **2.5. Công tác tổ chức giám sát, kiểm tra của địa phương:**

Trên cơ sở, phân công cho các thành viên ban chỉ đạo phụ trách các Tổ dân phố, làng. Các đồng chí trong Ban chỉ đạo thường xuyên xuống cơ sở, kiểm tra giám sát việc thực hiện.

Thông qua Ban giám sát cộng đồng các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, cho các làng đặc biệt khó khăn được thực hiện công khai, minh bạch.

Thông qua việc kiểm tra, giám sát không phát hiện ra sai sót lớn trong việc triển khai thực hiện các chính sách.

## **2.6. Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo trên địa bàn:**

### **a. Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo:**

Trong giai đoạn 2016 - 2021, tổng số dư nợ cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội huyện là 8.461,590 triệu đồng, với 223 lượt vay (cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên..). Thông qua nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã góp phần giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có điều kiện tăng gia sản xuất, vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

**b. Chính sách hỗ trợ giáo dục:** học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm học phí theo quy định.

**c. Chính sách hỗ trợ y tế cho hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số:** Trong giai đoạn 2016 - 2021, đã cấp và gia hạn 8.994 lượt thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo. Trong đó, có 3.123 thẻ BHYT cấp cho người nghèo thu nhập, 10 thẻ BHYT cấp cho người nghèo đa chiều (trong đó, có 7 cấp cho người thiếu hụt về BHYT và 3 thẻ cấp cho người nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác, không thiếu hụt về BHYT). Cấp và gia hạn 1.473 thẻ Bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo, trong đó có 300 thẻ BHYT đối với hộ cận nghèo theo Quyết định 705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cấp và gia hạn 4.460 lượt thẻ BHYT cho người đồng bào dân tộc thiểu số, 11 lượt thẻ BHYT cho người đang sinh sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhìn chung, công tác cấp và gia hạn thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng hộ nghèo đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và tương đối chính xác, góp phần giúp cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số thụ hưởng đầy đủ chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về y tế.

### **e. Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở:**

Trong năm 2016: Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn phối hợp với UBMTTQVN thị trấn hỗ trợ xây dựng 01 ngôi nhà “Mái ấm tình thương”. Triển khai xây dựng 02 nhà theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) cho 02 hộ nghèo là người già..

Năm 2018, đã thực hiện hỗ trợ cho 01 hộ gia đình nghèo sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

**f. Thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 – 2021:** Hàng tháng UBND thị trấn tổ chức ngày “Sinh hoạt pháp

luật” tại UBND thị trấn và tại các tổ dân phố, làng, các trường học để tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến mọi người dân.

Nội dung tập trung tuyên truyền, phổ biến các nội dung văn bản Luật có liên quan đến người dân; giải đáp các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật về đất đai, hôn nhân gia đình, dân sự, ... và các chính sách pháp luật hỗ trợ người dân tộc thiểu số, người nghèo, chính sách trợ giúp các vấn đề liên quan đến người cao tuổi và trẻ em mồ côi...

Tuy nhiên, trong các năm 2020 – 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên công tác tổ chức tuyên truyền về các chính sách pháp luật liên quan đến các chính sách giảm nghèo không được thường xuyên.

## II. Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2021:

### 1. Dự án: Chương trình 135

#### a. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, làng đặc biệt khó khăn:

##### \* Về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

Stt	Tên, quy mô công trình	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Tổng số vốn được giao (triệu đồng)	Ghi chú (Đánh giá hiệu quả công trình)
<b>I</b>	<b>Năm 2016</b>			<b>720,000</b>	
<b>A</b>	<b>Về công trình xây mới:</b>			<b>720,000</b>	
1	Đường BTXM làng H'ven; HM: Nền, mặt đường	Tổng chiều dài L=9,3m; mặt đường Bm=3m, kết cấu mặt đường bằng BTXM đá 2x4, mác 250, dày 20cm; hệ thống thoát nước hoàn chỉnh.	Làng H'ven	11,000	Sử dụng tốt
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng H'ven; HM: Sân BTXM	- Sân nền 0,16ha; - Kè đá có chiều dài 106,17m, xây bằng đá học VXM #100;		112,500	Sử dụng tốt
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gliêk 1; HM: Cổng, hàng rào	Cổng tường rào thoáng chiều dài 40,6m; Tường rào lưới B40 chiều dài 126,7m;	Làng Gliêk 1	273,000	Sử dụng tốt
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gliêk 2; HM: Cổng, hàng rào	Cổng tường rào thoáng chiều dài 24,5m; Tường rào lưới B40 chiều dài 110,775m;	Làng Gliêk 2	218,500	Sử dụng tốt
5	Đường BTXM làng Leng Tô; HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Tổng chiều dài L=121,30m; mặt đường B=5m; kết cấu mặt đường đất đồi chọn lọc dày 30cm; hệ thống thoát nước hoàn chỉnh.	Làng Leng tô	105,000	Sử dụng tốt
<b>B</b>	<b>Về công trình duy tu bảo dưỡng:</b>			<b>Không bố trí vốn</b>	
<b>II</b>	<b>Năm 2017</b>			<b>660,000</b>	

<b>A</b>	<b>Về công trình xây mới:</b>			<b>660,000</b>	
1	Điện sinh hoạt làng Leng Tô; Hạng mục: Đường dây điện L = 420m	Tổng chiều dài tuyến L= 441m. - Dây LV - ABC 4x95mm <sup>2</sup> , L=441m; Tiếp địa R-4: 08 bộ; Trụ điện loại A, 10,5m: 08 trụ; Trụ điện loại B, 10,5m: 10 trụ,	Làng Leng tô	<b>225,000</b>	Sử dụng tốt
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gliêk 1; hạng mục: Nhà sinh hoạt, hạng mục phụ	-Nhà vệ sinh, DTXD: 11,86 m <sup>2</sup> Sân bê tông, DTXD:710m <sup>2</sup> ; kết cấu: BTXM đá 1x2, mác 200, dày 6cm,	Làng Gliêk 1	<b>223,000</b>	Sử dụng tốt
3	Đường bê tông xi măng làng Gliêk 2; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	Tổng chiều dài L=244,2m; 02 tuyến. Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250, dày 15cm, rộng 3m, dài L=103,51m.	Làng Gliêk 2	<b>212,000</b>	Sử dụng tốt
<b>B</b>	<b>Về công trình duy tu bảo dưỡng:</b>			<b>Không bố trí vốn</b>	
<b>III</b>	<b>Năm 2018</b>				
<b>A</b>	<b>Về công trình xây mới:</b>			<b>834,000</b>	
1	Trường mẫu giáo Hoa hồng điểm làng Gliêk 2	Nhà vệ sinh, DTXD 10, 36m <sup>2</sup> , hệ thống cấp nước điện hoàn chỉnh	Làng Gliêk 2	<b>81,000</b>	Sử dụng tốt
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Leng Tô, làng Gliêk 2	Sân bê tông, hàng rào, nhà vệ sinh	Làng Leng tô Làng Gliêk 2	<b>525,000</b>	Sử dụng tốt
<b>B</b>	<b>Công trình xây mới (vốn kéo dài năm 2017 sang 2018)</b>				
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Hven	- Sân bê tông - Cổng, tường rào hoàn chỉnh	Làng Hven	<b>228,000</b>	Sử dụng tốt
<b>C</b>	<b>Về công trình duy tu bảo dưỡng:</b>		<b>Không bố trí vốn</b>		Sử dụng tốt
<b>IV</b>	<b>Năm 2019</b>			<b>606,000</b>	
<b>A</b>	<b>Về công trình xây mới:</b>				
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Leng tô	Hàng rào lưới B40, san lấp mặt bằng sân thể thao	Làng Leng tô	202,000	Sử dụng tốt
2	Hệ thống điện làng Gliêk	Đường dây hạ thế 0,4kv	Làng Hven	121,000	Sử dụng tốt
3	Hệ thống nước sinh hoạt làng Gliêk	Cấp nước sinh hoạt cho 20 hộ	Làng Gliêk	81,000	Sử dụng tốt
4	Đường bê tông xi măng làng Gliêk	Nền, mặt đường bê tông xi măng, cống thoát nước	Làng Gliêk	202,000	Sử dụng tốt
<b>B</b>	<b>Về công trình duy tu bảo dưỡng:</b>			75,000	
1	Duy tu, bảo dưỡng công trình đường BTXM của làng Leng tô, làng Gliêk	* Làng Leng tô: Sửa chữa hệ thống cống thoát nước đường: L = 9m * Làng Gliêk: + Sửa chữa hệ thống cống	Làng Leng tô Làng Gliêk	75,000	Sử dụng tốt



		thoát nước đường: L=3m + Sửa chữa nền đường L =1,2m bằng BTXM + Sửa chữa mương nước dọc L =150m			
<b>V</b>	<b>Năm 2019</b>				
<b>A</b>	<b>Về công trình xây mới:</b>			<b>605,000</b>	
<b>1</b>	Hệ thống điện làng Leng Tô (Khu dân cư mới phía Bắc nhà rông)	Đường dây hạ thế 0,4KV	Làng Leng tô	192,000	Sử dụng tốt
<b>2</b>	Hệ thống nước sinh hoạt làng Leng Tô	Đường ống cấp nước sinh hoạt	Làng Leng tô	151,000	Sử dụng tốt
<b>3</b>	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gliêk	San nền sân thể thao, mương thoát nước,	Làng Gliêk	262,000	Sử dụng tốt
<b>B</b>	<b>Về công trình duy tu bảo dưỡng:</b>			<b>Không bố trí vốn</b>	
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.500,000</b>	

**\* Đánh giá tình hình thực hiện dự án:** Từ nguồn vốn của chương trình thị trấn đã tập trung vào đầu tư xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ cho nhu cầu thiết thực của nhân dân. Hệ thống giao thông ngày càng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, xây dựng bộ mặt nông thôn của làng ngày một khang trang, sạch đẹp hơn; góp phần thúc đẩy địa phương hòa nhập với sự phát triển chung của toàn huyện.

## **2. Tiểu dự án số 2:**

**a. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, làng đặc biệt khó khăn:**

### **- Hỗ trợ vật nuôi:**

#### **+ Năm 2016:**

Cấp 08 con bò giống cho 08 hộ, với kinh phí 130.519.800 đồng (Chương trình giảm nghèo bền vững).

Cấp 13 con bò giống cho 13 hộ, với kinh phí 209.421.600 đồng (Chương trình cấp không thu tiền).

#### **+ Năm 2017:**

Cấp 08 con bò giống cho 08 hộ, với kinh phí 131.503.000 đồng (Chương trình giảm nghèo bền vững).

Cấp 21 con bò giống cho 21 hộ, với kinh phí 335.885.700 đồng (Chương trình cấp không thu tiền).

### **- Phân bón:**

#### **Năm 2016:**

Cấp phân bón NPK 16-16-08-13s cho 774 khẩu, 4.489,974 kg với kinh phí 61.916.741 đồng (Chương trình cấp không thu tiền).

Cấp phân bón NPK 16-16-08-13s cho 176 hộ, 3.270,608 kg với kinh phí 50.662,078 đồng(Chương trình giảm nghèo bền vững).

**Năm 2017:**

Cấp phân bón NPK 16-16-08-13s cho 839 khẩu, 4.938,354 kg với kinh phí 67.112.231 đồng(Chương trình cấp không thu tiền).

Cấp phân bón NPK 16-16-08-13s cho 201 hộ, 3.416,571 kg với kinh phí 52.376.781 đồng (Chương trình giảm nghèo bền vững).

**Năm 2018:**

Cấp 10 con bò giống cho 109 hộ nghèo thuộc chương trình giảm nghèo bền vững với tổng kinh phí 163.931.540 đồng.

Cấp 13 con bò giống cho 13 hộ nghèo thuộc chương trình cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách với tổng kinh phí 212.030.752 đồng.

Cấp 4.703 kg phân NPK cho 882 khẩu với tổng kinh phí là 65.750.000 đồng.

**Năm 2019:**

Cấp 09 con bò giống cho 09 hộ nghèo thuộc chương trình cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách với tổng kinh phí 147.600.000 đồng.

Cấp 10 con bò giống cho 10 hộ nghèo thuộc chương trình giảm nghèo bền vững với tổng kinh phí 165.000.000 đồng.

**Năm 2020:**

Cấp 09 con bò giống cho 09 hộ nghèo thuộc chương trình giảm nghèo bền vững với tổng kinh phí 165.000.000 đồng.

**\* Đánh giá tình hình thực hiện dự án:** Các mặt hàng bò giống, phân bón được Công ty Kinh doanh và Phát triển Miền núi cấp cho các hộ dân đảm bảo chất lượng, có xuất xứ rõ ràng, kịp thời vụ, việc hỗ trợ phân bón, giống đã giúp cho nhiều hộ nghèo chủ động hơn trong sản xuất, chăn nuôi vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên đôi khi chất lượng giống chưa thật đảm bảo.

Đối với năm 2019 – 2020 việc hỗ trợ giống vật nuôi theo chương trình giảm nghèo bền vững do UBND cấp xã làm chủ đầu tư đã góp phần cho người dân được trực tiếp tham gia lựa chọn con giống phù hợp với điều kiện của địa phương.

**b. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135**

Trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng dự án hỗ trợ giống vật nuôi (bò sinh sản) thuộc Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2018 cho 06 hộ nghèo.

**3. Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng, và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, làng đặc biệt khó khăn**

Hàng năm thị trấn đều tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về truyền thông giảm nghèo của tỉnh và huyện. Trong năm 2017, 2019, và 2020 đã phối hợp với Phòng Dân tộc huyện tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng tại thị trấn với tổng số 124 học viên tham dự từ các làng (cụ thể năm 2017 01 lớp với 43 học viên, năm 2019 01 lớp 36 học viên,; năm 2020 01 lớp 45 học viên)

**\* Đánh giá tình hình thực hiện dự án:** Qua các lớp đào tạo người dân đã nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn từ đó biết cách tổ chức, thực hiện, bảo quản và vận hành, sử dụng các công trình có hiệu quả, dần thay đổi cách thức sản xuất lạc hậu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, cuộc sống. Tuy nhiên, do trình độ dân trí còn thấp nên một số người dân chưa tiếp thu, lĩnh hội hết kiến thức.

## **5. Đánh giá chung:**

Việc triển khai thực hiện các nội dung, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững bước đầu đã đạt được nhiều kết quả khả quan. So với kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 theo tiêu chí áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, toàn thị trấn giảm 25 hộ, tương ứng với 1,6%, đạt chỉ tiêu đề ra. Số hộ nghèo thuộc hộ chính sách người có công trên địa bàn thị trấn giảm từ 03 hộ vào cuối năm 2016 xuống còn 0 hộ vào cuối năm 2021, đây là một sự nỗ lực của toàn hệ thống chính trị của địa phương nhằm góp phần thực hiện ngày càng tốt hơn Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thị trấn.

### **a. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm của lãnh đạo huyện, sự phối hợp của các ban ngành chuyên môn và sự chỉ đạo của Đảng ủy – HĐND – UBND cùng hệ thống chính trị địa phương với phương châm: Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao mức sống nhân dân; đẩy mạnh phát triển sản xuất tăng thu nhập cho nhân dân giảm dần hộ nghèo các làng đặc biệt khó khăn.

- Ban chỉ đạo đã phân công thành viên phụ trách TDP, làng và trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong quá trình tham gia giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

- Mặt trận và các đoàn thể đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác giảm nghèo, nâng dần nhận thức của người dân, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số; nhiều tấm gương điển hình trong phong trào xóa đói giảm nghèo, quyết tâm thoát nghèo, vươn lên làm giàu.

- Chức năng giám sát cộng đồng của Mặt trận và các đoàn thể ngày càng sâu sát và đạt hiệu quả, nhờ vậy công tác giảm nghèo trên địa bàn ngày càng đạt hiệu quả.

### **b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

- Hiện nay người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ nên một số hộ dân có tư tưởng ỷ lại, lười lao động trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa phát huy được tính tự giác để vươn lên thoát nghèo.

- Danh mục các chủng loại giống cây trồng, phân bón cung ứng còn hạn chế, ít chủng loại, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất thực tế của người dân địa phương. Trình độ dân trí thấp, việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, trong đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại một số phong tục, tập quán lạc hậu, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn thị trấn Đak Pơ./.

***Nơi nhận:***

- Phòng LĐ-TB&XH huyện;
- Đảng Ủy thị trấn;
- HĐND thị trấn;
- Mặt trận và các đoàn thể thị trấn;
- Các tổ dân phố, làng;
- Thành viên BCD giảm nghèo;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Duy Nhất**

